

# PHÁT TRIỂN NGUỒN HỌC LIỆU MỞ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO TỪ XA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Đỗ Thị Phong Lan, Đỗ Thị Minh Khuê  
Trường Đại học Mở Hà Nội

**Tóm tắt:** Trường Đại học Mở Hà Nội với phương châm “Mở cơ hội học tập cho mọi người” đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của giáo dục từ xa, tài nguyên giáo dục mở (OER) đã trở thành một thành phần thiết yếu trong việc nâng cao hiệu quả dạy và học (UNESCO, 2019). Nghiên cứu này xem xét vai trò của OER trong đào tạo từ xa và đề xuất một mô hình để phát triển và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên học tập mở tại Đại học Mở Hà Nội. Nghiên cứu nhấn mạnh tiềm năng của việc tích hợp các tài nguyên thể chế với các nền tảng OER toàn cầu để cải thiện khả năng tiếp cận, tính linh hoạt và kết quả học tập (Wiley et al., 2014; Hilton, 2016).

**Từ khóa:** tài nguyên giáo dục mở; đào tạo từ xa; nhu cầu học tập; học liệu; tài liệu học tập.

## DEVELOPING OPEN COURSE WARE FOR DISTANCE TRAINING AT HANOI OPEN UNIVERSITY

**Abstract:** Hanoi Open University, with the motto “Learning opportunities for all”, has continuously improved the quality of education to meet the diverse learning needs of students. In the context of digital transformation and the rapid development of distance education, open educational resources (OER) have become an essential component in enhancing teaching and learning effectiveness (UNESCO, 2019). This paper examines the role of OER in distance training and proposes a model for developing and exploiting an open learning resource database at Hanoi Open University. The study highlights the potential of integrating institutional resources with global OER platforms to improve accessibility, flexibility, and learning outcomes (Wiley et al., 2014; Hilton, 2016).

**Keywords:** open educational resources; distance training; learning needs; courseware; learning materials.

Nhận bài: 14/04/2026

Phản biện: 11/05/2026

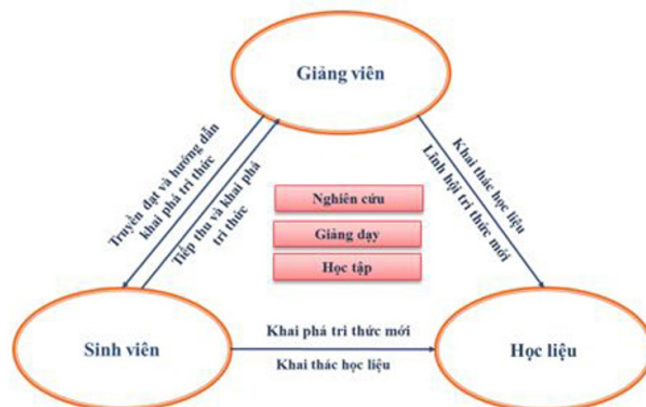
Duyệt đăng: 16/05/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo từ xa (ĐTTX) hiện là hình thức giáo dục phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới nhờ tính linh hoạt và khả năng mở rộng cơ hội học tập cho người học. Tại Việt Nam, ĐTTX ngày càng thu hút nhiều học viên bởi phù hợp với những người khó tham gia học tập trung và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời. Trong bài viết này, “học liệu” được hiểu là toàn bộ tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của trường đại học, bao gồm giáo trình, bài giảng, sách, báo, tạp chí, luận văn, luận án và các tài liệu chuyên ngành khác. Nguồn học liệu có thể được hình thành từ nội bộ nhà trường hoặc thu thập từ bên ngoài. Học liệu giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong môi trường đại học. Chất lượng và mức độ phong phú của học liệu ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đào tạo. Bên cạnh thư viện, đội ngũ giảng viên chuyên ngành cũng là nguồn

cung cấp và cập nhật học liệu quan trọng, góp phần hỗ trợ sinh viên tiếp cận và khám phá tri thức mới.

Thông thường nguồn học liệu của một trường đại học phần lớn sẽ do các thư viện trường đảm nhiệm. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên các khoa chuyên ngành với những hiểu biết chuyên môn sâu luôn là nguồn cung cấp thông tin quý giá về chuyên ngành đào tạo. Giảng viên, với vai trò là người truyền đạt tri thức và quan trọng hơn là người hướng dẫn sinh viên khai phá tri thức mới. Nguồn tri thức đó một phần được cung cấp qua nguồn tài liệu mà giảng viên biết. Giảng viên cũng là người cần cập nhật những tri thức mới thông qua các nguồn khác nhau trong đó có nguồn học liệu. Tiến trình chuyển giao tri thức, truyền đạt và khám phá tri thức của giảng viên và sinh viên không thể thiếu được sự đóng góp quan trọng của nguồn học liệu. Sơ đồ dưới đây mô tả cụ thể hơn về mối quan hệ giữa học liệu đối với giảng viên và sinh viên.



Hình 1: Sơ đồ chỉ mối quan hệ giữa học liệu với giảng viên và sinh viên

Từ sơ đồ trên cho thấy, thư viện sẽ cung cấp học liệu một cách đầy đủ, cập nhật và phù hợp để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập của sinh viên, học viên hệ Đào tạo từ xa. Chính vì vậy, các trường đại học phải không ngừng bổ sung, hoàn thiện, phát triển các nguồn học liệu này cả về định tính và định lượng. Phát triển học liệu số và chia sẻ học liệu đang là xu thế mới của các Thư viện đại học ở Việt Nam và thế giới.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Một vài khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Đào tạo từ xa

Đào tạo từ xa (ĐTTX) là hình thức giáo dục trong đó người dạy và người học không cùng hiện diện tại một địa điểm hoặc cùng thời gian. Quá trình dạy học được thực hiện thông qua các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông (Moore & Kearsley, 2012). Hình thức này cho phép người học chủ động về thời gian, địa điểm học tập, góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục và thúc đẩy học tập suốt đời (Anderson, 2008). Theo Curtis G. và Daves C. (2011), giáo dục từ xa (GDTX) là quá trình đào tạo có sự tách biệt giữa người dạy và người học về không gian và thời gian, đòi hỏi người học có khả năng tự học và tự quản lý việc học ở mức độ cao.

Về cơ bản, các nhà giáo dục học trên thế giới phân loại GDTX dựa trên cơ sở mối quan hệ giữa giảng viên và học viên trong quá trình dạy học, đó là GDTX tương tác và GDTX không tương tác. Trong GDTX tương tác (synchronous learning), người dạy và người học tương tác trực tiếp theo thời gian thực thông qua các công nghệ như hội nghị truyền hình, lớp học trực tuyến hoặc video hai chiều. Đối với GDTX không tương tác

(asynchronous learning), người học tiếp cận nội dung học tập mà không cần tương tác trực tiếp với giảng viên theo thời gian thực. Hình thức này sử dụng các tài liệu in, bài giảng điện tử, video, hệ thống E-learning, email và Internet. Nhìn chung, ĐTTX là phương thức đào tạo dựa trên công nghệ thông tin, viễn thông và các phương tiện nghe nhìn, trong đó người học giữ vai trò trung tâm và tự học là yếu tố chủ đạo.

#### 2.1.2. Học liệu

Học liệu là toàn bộ tài liệu phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, bao gồm giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo, báo, tạp chí, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tài liệu chuyên ngành khác. Trong bối cảnh chuyển đổi số, học liệu không chỉ tồn tại dưới dạng in truyền thống mà còn được phát triển dưới dạng tài liệu số như PDF, video, bài giảng điện tử và các tài nguyên đa phương tiện. Các học liệu số giúp người học dễ dàng truy cập, lưu trữ và khai thác thông tin thông qua các thiết bị công nghệ.

#### 2.1.3. Nguồn học liệu mở

Học liệu mở (Open Educational Resources - OER) là các tài liệu giáo dục được cung cấp miễn phí, cho phép người dùng truy cập, sử dụng, chỉnh sửa và chia sẻ hợp pháp thông qua giấy phép mở. Khái niệm này được Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) phổ biến từ năm 2002 khi công bố miễn phí toàn bộ nội dung giảng dạy trên Internet. Theo UNESCO (2019), OER bao gồm giáo trình, bài giảng, chương trình đào tạo, video, bài kiểm tra, tài liệu nghiên cứu và nhiều dạng tài nguyên học tập khác. Học liệu mở có thể được hình thành từ việc số hóa tài liệu truyền thống hoặc từ các tài liệu vốn tồn tại dưới dạng số. Việc phát triển và sử dụng học liệu mở không chỉ góp

phần giảm chi phí học tập mà còn nâng cao khả năng tiếp cận tri thức, tăng tính linh hoạt và hiệu quả của giáo dục từ xa (Wiley et al., 2014; Hilton, 2016).

## 2.2. Vai trò của học liệu mở đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục từ xa tại Trường Đại học Mở Hà Nội

Trường Đại học Mở Hà Nội là một trong những cơ sở đào tạo có thế mạnh về đào tạo từ xa và E-learning tại Việt Nam. Trong những năm qua, nhà trường đã đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ, thư viện điện tử, phòng học trực tuyến, studio bài giảng và hệ thống học liệu số nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trong môi trường giáo dục số, học liệu mở đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giảng viên và người học tiếp cận nguồn tri thức phong phú, cập nhật và không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian. Việc phát triển học liệu mở góp phần nâng cao khả năng tự học, tăng tính linh hoạt trong đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hệ thống học liệu hiện nay vẫn còn tồn tại những hạn chế như thiếu tính liên kết, chưa đồng bộ, khả năng chia sẻ và truy cập còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cần xây dựng hệ thống quản lý học liệu mở theo hướng tích hợp và thống nhất.

## 2.3. Khái lược về hệ thống học liệu mở của Trường Đại học Mở Hà Nội

Từ những năm 1990, Trường Đại học Mở Hà Nội đã triển khai nhiều loại hình đào tạo như đào tạo từ xa truyền thống, đào tạo trực tuyến, E-learning và đào tạo chính quy. Để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học, nhà trường không ngừng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ và hệ thống học liệu. Hiện nay, thư viện và hệ thống học liệu số của trường đóng vai trò trung tâm trong việc cung cấp tài nguyên học tập cho giảng viên và sinh viên. Hệ thống này bao gồm giáo trình điện tử, tài liệu số hóa, bài giảng trực tuyến, video học tập và các nguồn tài nguyên mở từ trong và ngoài nước. Ngoài ra, nhà trường cũng chú trọng phát triển cơ sở dữ liệu học liệu mở theo hướng hệ sinh thái số tích hợp, cho phép kết nối giữa giảng viên, thư viện và hệ thống quản lý đào tạo. Việc ứng dụng các tiêu chuẩn công nghệ và giấy phép mở giúp tăng khả năng chia sẻ, tái sử dụng và khai thác học liệu một cách hiệu quả.

Trong phương thức đào tạo từ xa theo tín chỉ hiện nay, sự tương tác được diễn ra giữa các cặp: người dạy - người học; người dạy - người dạy; người học - người học, sự tương tác đó cần được duy trì và tạo các điều kiện cần thiết. Để đáp ứng tốt nhu cầu thông tin của người học, bảng dưới đây giới thiệu khái lược về các nhiệm vụ mà thư viện đại học cần phải thực hiện:

TƯƠNG TÁC	NHIỆM VỤ CỦA THƯ VIỆN ĐẠI HỌC
<i>Người dạy - người học</i>	Cung cấp điều kiện khai thác, truy cập nguồn thông tin theo yêu cầu người dạy. Thư viện đại học có trách nhiệm phải bao quát đầy đủ các loại nguồn tin theo yêu cầu của người dạy, trên cơ sở đó, thực hiện việc kiểm soát và khả năng truy cập hợp pháp đến nguồn tin này.
<i>Người dạy - người dạy</i>	Cung cấp các dịch vụ thông tin cần thiết để mỗi người dạy có khả năng kiểm soát và khai thác được các nguồn thông tin hiện có làm tài liệu cho hoạt động giảng dạy của mình. Nguồn tin phải đầy đủ, có tính hệ thống và có độ cập nhật cao.
<i>Người học - người học</i>	Cung cấp hoạt động trao đổi thông tin trong quá trình học tập theo nhóm.

Bảng 1: Bảng giới thiệu khái lược về các nhiệm vụ của thư viện đại học

Từ việc nhận định rõ vai trò quan trọng và các nhiệm vụ mà thư viện đại học cần thực hiện, cùng với quy mô và số lượng ngày càng tăng của hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Mở Hà Nội, để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập, trong những năm qua, trường đã không ngừng đầu tư và đã trang bị các phòng máy với trên 1000 máy tính, các phòng thí nghiệm, phòng học tiếng, phòng học từ xa qua mạng, phòng học

truyền hình hội thảo, phòng học E-learning, thư viện trung tâm, giáo trình, học liệu nghe-nhìn,... ứng dụng công nghệ tin học - truyền thông nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ năm 2016 đến nay, với sự tài trợ của dự án KOICA (Hàn Quốc), trường đã nâng cấp và đưa vào sử dụng một studio hiện đại phục vụ cho việc dạy-học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo từ xa và E-learning vốn đã trở thành thế mạnh

của nhà trường. Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng đầu tư cho nguồn học liệu mở nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo của hai hình thức này. Bởi trong môi trường đại học, thư viện trở thành một trong những nơi cung cấp tri thức hiệu quả nhất cho giảng viên và sinh viên. Thư viện lưu trữ và bổ sung, cập nhật những thông tin, giáo trình, tài liệu tham khảo, các tư liệu điện tử,... phục vụ cho hoạt động tìm kiếm tài liệu, nghiên cứu khoa học của sinh viên; mở rộng điều kiện học tập cho sinh viên cả về không gian, thời gian. Chính vì vậy, nó được coi là nơi cung cấp nền tảng kiến thức cho công tác đào tạo, nghiên cứu, các hoạt động phát triển khoa học công nghệ và đó là trái tim tri thức của một trường Đại học. Công tác Thông tin Thư viện của trường Đại học Mở Hà Nội đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp đào tạo, nghiên cứu khoa học và kiểm định chất lượng của Nhà trường và phát triển Thư viện điện tử số tại Trường Đại học Mở Hà Nội đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0”.

#### **2.4. Đề xuất mô hình tạo lập và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) nguồn học liệu mở phục vụ đào tạo từ xa**

Cơ sở dữ liệu là tập hợp có tổ chức các dữ liệu, được lưu trữ và quản lý nhằm phục vụ cho việc truy cập, khai thác và cập nhật một cách hiệu quả (Lê Quỳnh Chi, 2015).

##### *2.4.1. Cơ sở đề xuất mô hình*

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục và sự phát triển mạnh mẽ của đào tạo từ xa, việc xây dựng và khai thác hiệu quả các nguồn học liệu mở (Open Educational Resources – OER) trở thành một yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức và tối ưu hóa chi phí (UNESCO, 2019). Đồng thời, các chính sách đổi mới giáo dục tại Việt Nam cũng nhấn mạnh vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác tài nguyên số trong dạy - học (Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, 2021). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc sử dụng học liệu mở hiện nay còn phân tán, thiếu hệ thống, chưa có cơ chế chuẩn hóa, kiểm định chất lượng và chia sẻ hiệu quả. Do đó, cần thiết xây dựng một mô hình CSDL OER tích hợp, có khả năng vừa tạo lập, vừa khai thác và quản trị tài nguyên phục vụ đào tạo từ xa.

##### *2.4.2. Cấu trúc mô hình đề xuất*

Về ý nghĩa, có thể thấy nguồn học liệu gồm các tài liệu thuộc các loại như sách, báo, tạp chí, tài liệu công cụ, nguồn tin khoa học nội sinh. Tài liệu trong nguồn tin khoa học nội sinh có thể là sách, tạp chí, tài liệu công cụ, nguồn học liệu song cũng có thể không thuộc các nhóm đã nêu (các tài liệu nội bộ chưa xuất bản). Cấu trúc thống nhất của đề cương môn học cũng như các tài liệu là học liệu, có thể dạng CSDL toàn văn đính kèm tệp pdf, hoặc kết nối tới tài liệu trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các CSDL hệ thống học liệu, quản lý học liệu, tổ chức khai thác một cách thuận tiện nguồn thông tin đặc thù này. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, việc giao nộp các học liệu có thể được thực hiện trực tiếp giữa giảng viên và thư viện hoặc được giao nộp thông qua Khoa hoặc bộ môn. Thư viện có thể tiếp nhận hoặc chỉ đơn giản là xây dựng kết nối dữ liệu tới CSDL lịch giảng dạy - tài liệu, học liệu sử dụng do Phòng Quản lý đào tạo công bố. Nhờ đó, người dùng tin có thể truy cập CSDL tại website của thư viện hoặc tại website của trường.

Dưới đây là mô hình tạo lập và khai thác hệ thống CSDL nguồn học liệu tại thư viện trường Đại học Mở Hà Nội, trong đó có thể hiện vai trò và quan hệ giữa Đội ngũ giảng viên (người biên soạn bài giảng, tạo nội dung thông tin) - Thư viện đại học (chủ thể tổ chức, xây dựng CSDL nguồn học liệu để cung cấp cho người học) - Phòng Quản lý đào tạo (chủ thể tạo lập và cung cấp các dữ kiện về lịch trình, kế hoạch đào tạo):

Trách nhiệm của giảng viên là biên soạn nội dung đề cương môn học, tài liệu dạng bài tập, danh mục các học liệu tham khảo (trong danh mục này, có thể có một số tài liệu mà giảng viên là tác giả). Khi đó, giảng viên cũng cần cung cấp các tài liệu này cho Thư viện để việc xây dựng hệ thống CSDL các nguồn học liệu được đầy đủ. Phòng Quản lý Đào tạo có trách nhiệm xây dựng lịch trình giảng dạy. Thư viện Đại học Mở có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý nguồn tin để xác lập và triển khai hệ thống CSDL về nguồn học liệu.

Trong mô hình được giới thiệu ở trên, việc đề xuất chuyển các học liệu số và số hóa các học liệu in về tệp có định dạng pdf chỉ có ý nghĩa là một ví dụ cụ thể, hoàn toàn không phải như một

tiêu chuẩn cần phải đặt ra và tuân thủ. Với mục tiêu hướng đến là để phục vụ một cách tích cực hơn nữa đối với người học, CSDL các nguồn học liệu còn có thể tồn tại các tài liệu trực tuyến, tệp với định dạng file powerpoint (PPT), video, qua YouTube hay các dạng đa phương tiện (multimedia) nói chung bởi các bài giảng dạng này tỏ ra rất tiện ích đối với người học từ xa, hay học theo phương thức E-learning. Quá trình này đang được triển khai chặt chẽ và hiệu quả giữa các Khoa chuyên ngành-Thư viện hay Trung tâm Công nghệ - học liệu của trường Đại học Mở Hà Nội trên hệ thống Central Authentication Services (CAS) của nhà trường.

Mô hình được thiết kế theo hướng hệ sinh thái số tích hợp, trong đó tầng đầu tiên - tầng thu thập và tạo lập học liệu - giữ vai trò nền tảng, quyết định đến chất lượng và khả năng khai thác của toàn bộ hệ thống. Ở tầng này, học liệu được thu thập từ hai nguồn chính: (i) các nguồn học liệu mở quốc tế có uy tín như MIT OpenCourseWare, Coursera, OpenLearn; và (ii) nguồn nội sinh được phát triển bởi đội ngũ giảng viên, các cơ sở giáo dục đại học trong nước. Việc kết hợp hai nguồn này không chỉ giúp mở rộng phạm vi tri thức mà còn đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh đào tạo cụ thể.

Sau khi thu thập, học liệu được tiến hành chuẩn hóa về định dạng và cấu trúc theo các tiêu chuẩn phổ biến như SCORM, xAPI, cũng như các định dạng linh hoạt như PDF, video và microlearning nhằm đảm bảo khả năng tích hợp với các hệ thống quản lý học tập (LMS). Đồng thời, toàn bộ học liệu cần được gắn giấy phép mở, điển hình là hệ thống Creative Commons, nhằm xác lập rõ quyền sử dụng, chia sẻ và tái sử dụng tài nguyên. Nhờ đó, tầng này không chỉ đảm bảo tính hợp pháp trong khai thác học liệu mà còn tăng cường khả năng liên thông, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong toàn bộ hệ sinh thái đào tạo từ xa.

Nguồn học liệu mở sẽ có chức năng cung cấp thông tin chuyên ngành và thông tin tham khảo cho giảng viên nghiên cứu, biên soạn tài liệu học tập, chuẩn bị bài giảng. Đối với học viên, thời gian học tập là cơ hội để tiếp xúc nhiều hơn với nguồn học liệu. Cùng với những giờ lên lớp, nguồn học liệu với các hình thức thông tin khác nhau là công cụ, cơ sở thông tin, tri thức để người học tự học, hỗ trợ tiếp thu nội dung chương trình học tập theo

các cấp độ từ "biết", "hiểu", "ứng dụng", "phân tích", "tổng hợp" đến "đánh giá" nhằm thực thi nhiệm vụ và giải quyết các tình huống quản lý ở cơ sở giáo dục của mình.

Ngoài nguồn tài liệu tham khảo, tài liệu học tập của mỗi chương trình đào tạo là "cẩm nang" cho việc dạy và học, là yếu tố không thể thiếu. Chất lượng tài liệu học tập gắn liền với chất lượng của mỗi chương trình học để từ đó góp phần tạo nên uy tín và thương hiệu của nhà trường.

#### 2.4.3. Lợi ích của mô hình

Mô hình CSDL học liệu mở mang lại nhiều lợi ích cho người học, giảng viên và cơ sở đào tạo trong môi trường giáo dục số. Đối với người học, mô hình giúp tiếp cận nguồn học liệu phong phú, học tập linh hoạt mọi lúc, mọi nơi và nâng cao khả năng tự học. Đối với giảng viên, học liệu mở hỗ trợ cập nhật tài nguyên, giảm áp lực xây dựng học liệu và góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy.

Đối với cơ sở đào tạo, mô hình giúp tối ưu chi phí, nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc chia sẻ và tái sử dụng học liệu. Đồng thời, mô hình cũng góp phần thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục, phù hợp với xu hướng giáo dục mở và học tập suốt đời trong thời đại số.

Ở cấp độ hệ thống, mô hình đóng vai trò thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục mở và học tập suốt đời mà UNESCO khuyến nghị. Đồng thời, nó góp phần hình thành một hệ sinh thái học tập linh hoạt, kết nối và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số.

#### 2.5. Kết quả và thảo luận

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, nghiên cứu đã đề xuất mô hình cơ sở dữ liệu học liệu mở theo hướng hệ sinh thái số tích hợp nhằm phục vụ đào tạo từ xa tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Mô hình cho thấy khả năng khắc phục những hạn chế của hệ thống học liệu hiện nay như sự phân tán, thiếu liên kết và khó khăn trong việc chia sẻ tài nguyên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc tổ chức học liệu theo quy trình thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ và khai thác giúp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng học liệu. Đồng thời, mô hình cho phép tích hợp nguồn học liệu nội sinh của nhà trường với các nguồn tài nguyên giáo dục mở quốc tế, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận tri thức cho người học và giảng viên.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ số và giấy phép mở giúp tăng khả năng chia sẻ, tái sử dụng học liệu và hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy trong môi trường đào tạo từ xa. Người học có thể tiếp cận tài liệu linh hoạt mọi lúc, mọi nơi, từ đó nâng cao tính chủ động và hiệu quả học tập.

Tuy nhiên, quá trình triển khai mô hình vẫn có thể gặp một số khó khăn như hạn chế về hạ tầng công nghệ, năng lực số của người dạy và người học, cũng như các vấn đề liên quan đến bản quyền và kiểm định chất lượng học liệu. Vì vậy, cần có sự đầu tư đồng bộ về công nghệ, cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ nhằm phát huy hiệu quả của hệ thống học liệu mở trong giáo dục đại học.

### III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, việc phát triển nguồn học liệu mở có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo từ xa tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Hệ thống học liệu mở không chỉ hỗ trợ giảng viên và người học tiếp cận tri thức một cách linh hoạt, thuận tiện mà còn góp phần thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Nghiên cứu đã đề xuất mô hình xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu học liệu mở theo hướng hệ sinh thái số tích hợp, góp phần tăng khả năng chia sẻ, quản lý và tái sử dụng học liệu. Đây cũng là giải pháp phù hợp với xu hướng giáo dục mở, học tập suốt đời và chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, T. (2008). *The theory and practice of online learning (2nd ed.)*. Athabasca University Press.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2045*. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Curtis G., Daves C. (2011), *Academic Libraries in the Future, Sconul Focus*. p.40. <http://www.sconul.ac.uk/publications>, truy cập ngày 21 tháng 5 năm 2014.
- David Wiley, Bliss, T. J., & McEwen, M. (2014). *Open educational resources: A review of the literature*. In J. M. Spector et al. (Eds.), *Handbook of research on educational communications and technology* (pp. 781–789). Springer. [https://doi.org/10.1007/978-1-4614-3185-5\\_63](https://doi.org/10.1007/978-1-4614-3185-5_63)
- John Hilton. (2016). *Open educational resources and college textbook choices: A review of research on efficacy and perceptions*. *Educational Technology Research and Development*, 64(4), 573–590. <https://doi.org/10.1007/s11423-016-9434-9>
- Lê Quỳnh Chi (2015), *Quản lý nguồn lực thông tin trong thư viện trường đại học, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục. Chuyên ngành: Quản lý giáo dục*. Mã số: 62 14 01 14.- Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Moore, M. G., & Kearsley, G. (2012). *Distance education: A systems view of online learning (3rd ed.)*. Wadsworth.
- OECD. (2007). *Giving knowledge for free: The emergence of open educational resources*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264032125-en>
- Peter Kaufman. (2012). *Developing new models of service*. University of Illinois Library.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg về tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo*.
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (n.d.). Trang chủ. <https://hou.edu.vn>
- UNESCO. (2019). *Recommendation on Open Educational Resources (OER)*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/>